

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyên Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Xuân Hùng

2/ Bà Lưu Thị Phương Xa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, ngày 19 và 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS, 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2022/QĐST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 155/2022/QĐST-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022, Thông báo hoãn phiên tòa số: 206/2022/TB-TA ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Ngọc T, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lại Thị Thái Th, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tống Ngọc T trình bày: Bà có mở (tổ chức) nhiều dây hội, bị đơn bà Lại Thị Thái Th có tham gia hội do bà mở, như sau:

1. Ngày 19/6/2020 âm lịch, bà mở hội tuần với số tiền là 300.000 đồng (đ), 07 ngày khai hội (mở hội) một lần, dây hội có 34 chân hội (phần hội), đến ngày 23/11/2020 là mãn hội (chấm dứt dây hội), bà Th tham gia 02 chân hội (phần hội). Chân hội thứ 01, vào lần khai (kỳ mở hội) thứ 04, bà Th hốt hội (lĩnh hội) được 4.500.000đ (đã trừ hoa hồng 300.000đ), bà Th tiếp tục đóng hội (góp hội) đến lần khai hội thứ 22. Từ lần thứ 23 về sau thì không đóng hội, tương đương với 12 lần không đóng $\times 300.000\text{đ} = 3.600.000\text{đ}$; Chân hội thứ 02, bà Th hốt hội ở lần khai hội thứ 16, hốt được 6.630.000đ (đã trừ hoa hồng 300.000đ), bà Th tiếp tục đóng hội đến lần khai hội thứ 22. Từ lần thứ 23 về sau thì không đóng hội, tương đương với 12 lần không đóng $\times 300.000\text{đ} = 3.600.000\text{đ}$. Số tiền kêu hội tại các lần khai hội (đưa ra mức lãi trong mỗi kỳ mở hội) bằng hình thức bốc thăm như sau: Lần 01: 50.000đ; lần 02: 150.000đ; lần 3: 160.000đ; lần 04: 170.000đ; lần 05: 190.000đ; lần 06: 150.000đ; lần 07: 170.000đ; lần 08: 185.000đ; lần 09: 160.000đ; lần 10: 150.000đ; lần 11: 150.000đ; lần 12: 155.000đ; lần 13: 155.000đ; lần 14: 165.000đ; lần 15: 160.000đ; lần 17: 150.000đ; lần 18: 160.000đ; lần 19: 150.000đ; lần 20: 100.000đ; lần 21: 155.000đ; lần 22: 160.000đ. Khai hội lần thứ 22 xong thì tôi đình hội. Số tiền bị đơn đã đóng hội: Chân hội thứ 01 là 5.940.000đ + chân hội thứ 02 là 3.980.000đ = 9.920.000đ. Số tiền bị đơn đã hốt hội: Chân hội thứ 01 là 4.500.000 đồng + chân hội thứ 02 là 6.630.000đ = 11.130.000đ. Tiền hoa hồng là 600.000đ

2. Ngày 09/6/2020 âm lịch, bà mở hội 15 ngày, với số tiền là 1.000.000đ, 15 ngày khai hội một lần, dây hội có 30 chân hội, đến ngày 24/8/2021 là mãn hội, bà Th tham gia 02 chân hội. Chân hội thứ 01, bà Th hốt hội ở lần khai hội thứ 06, hốt được 16.500.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ), bà Th tiếp tục đóng hội đến lần khai hội thứ 11. Từ lần thứ 12 về sau thì không đóng hội, tương đương với 19 lần không đóng $\times 1.000.000\text{đ} = 19.000.000\text{đ}$; Chân hội thứ 02, bà Th hốt hội ở lần khai hội thứ 11, hốt được 17.860.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ). Từ lần thứ 12 về sau thì không đóng hội, tương đương với 19 lần không đóng $\times 1.000.000\text{đ} = 19.000.000\text{đ}$. Số tiền kêu hội tại các lần khai hội bằng hình thức bốc thăm như sau: Lần 01: 800.000đ; lần 02: 400.000đ; lần 3: 500.000đ; lần 04: 610.000đ; lần 05: 650.000đ; lần 06: 500.000đ; lần 07: 530.000đ; lần 08: 555.000đ; lần 09: 620.000đ; lần 10: 610.000đ; lần 11:

610.000đ. Khai hội lần thứ 11 xong thì bà đình hội. Số tiền bị đơn đã đóng hội: Chân hội thứ 01 là 7.720.000đ + chân hội thứ 02 là 4.905.000đ = 12.625.000đ. Số tiền bị đơn đã hốt hội: Chân hội thứ 01 là 16.500.000đ + chân hội thứ 02 là 17.860.000đ = 34.360.000đ. Tiền hoa hồng là 1.000.000đ

3. Ngày 09/7/2020 âm lịch, bà mở hội 10 ngày, với số tiền là 1.000.000đ, 10 ngày khai hội một lần, dây hội có 30 chân hội, đến ngày 29/4/2021 là mãn hội, bà Th tham gia 01 chân hội, bà Th hốt hội ở lần khai hội thứ 13, hốt được 18.980.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ), bà Th tiếp tục đóng hội đến lần khai hội thứ 14. Từ lần thứ 15 về sau thì không đóng hội, tương đương với 16 lần không đóng x 1.000.000đ = 16.000.000đ. Số tiền kêu hội tại các lần khai hội bằng hình thức bốc thăm như sau: Lần 01: 120.000đ; lần 02: 510.000đ; lần 3: 600.000đ; lần 04: 310.000đ; lần 05: 430.000đ; lần 06: 505.000đ; lần 07: 520.000đ; lần 08: 560.000đ; lần 09: 570.000đ; lần 10: 560.000đ; lần 11: 555.000đ; lần 12: 630.000đ; lần 13: 560.000đ; lần 14: 660.000đ. Số tiền bị đơn đã đóng hội là 7.130.000đ. Số tiền bị đơn đã hốt hội: 18.980.000đ. Tiền hoa hồng 500.000đ

Bà đình hội là do hội viên không đóng tiền hội nên dẫn đến việc bản thân bà mất khả năng thanh toán, không có tiền để trả tiền hội cho người hốt hội. Do đó, bà quyết định đình hội, không khai hội, không thu tiền hội đối với hội viên chưa hốt hội nhưng vẫn thu tiền hội chết đối với những người đã hốt hội để trả cho người chưa hốt hội. Bà tuyên bố đình hội của tất cả các dây hội cùng một ngày (sau khi khai hội xong), có mặt tất cả các hội viên tham gia nhưng do đã lâu nên bà không nhớ ngày tuyên bố đình hội. Bà có mở sổ hội đối với tất cả các dây hội, sổ hội do bà giữ, khi hốt hội các hội viên có ký nhận còn thu tiền hội thì không có ký nhận. Tổng cộng bà Th còn nợ tiền hội chưa đóng là 61.200.000đ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả lại tiền hội chưa đóng cho bà là 61.200.000đ

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lại Thị Thái Th trình bày: Bà với bà Tống Ngọc T có quen biết nhau. Vào khoảng tháng 6/2020, bà có tham gia vào 03 dây hội do bà T mở, như sau:

1. Dây hội 300.000 đồng, 07 ngày khai 01 lần, có 34 chân hội, bà tham gia 02 chân hội. Chân hội thứ 01 bà đã hốt hội ở lần khai thứ 04. Chân hội thứ 02 bà đã hốt ở lần khai thứ 16. Mỗi lần hốt hội trừ hoa hồng 300.000 đồng. Bà thống nhất số tiền hốt hội và số tiền kêu hội đến lần thứ 16, những lần kêu hội sau đó thì bà không nhớ số tiền kêu hội. Nhưng bà khẳng định đã đóng tiền hội

xong lần thứ 23 thì bà mới biết việc bà T đã bẻ hụi (đình hụi/chấm dứt dây hụi) từ lần khui hụi thứ 22 nên bà không đồng ý tiếp tục đóng tiền hụi mà yêu cầu bà T phải thoả thuận chốt tiền hụi hoặc các bên trả lại tiền hụi cho nhau nhưng nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn buộc bà phải đóng tiếp tiền hụi trong khi không giao tiền hụi cho người hốt hụi nên mới xảy ra tranh chấp.

2. Dây hụi 1.000.000đ, 15 ngày khui 01 lần, có 30 chân hụi, bà tham gia 02 chân hụi. Chân hụi thứ 01 bà đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 06. Chân hụi thứ 02 bà đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 12 nhưng do bà T buộc bà hốt hụi để cản trừ nợ. Mỗi lần hốt hụi trừ hoa hồng 500.000 đồng. Bà đã đóng tiền hụi xong lần khui hụi thứ 13 thì không đồng ý đóng tiếp do phát hiện bà T bẻ hụi.

3. Dây hụi 1.000.000đ, 10 ngày khui 01 lần, có 30 chân hụi, bà tham gia 02 chân hụi. Đến lần khui hụi thứ 14 thì bà T buộc bà hốt 01 chân hụi để cản trừ nợ, khi hốt hụi trừ hoa hồng 500.000đ. Bà còn 01 chân hụi sống đến nay chưa hốt hụi (hụi chưa lĩnh) do bà phát hiện bà T bẻ hụi nên bà yêu cầu bà T thoả thuận rõ ràng và trả lại tiền chân hụi chưa hốt này nhưng bà T không đồng ý. Bà đóng xong tiền hụi đến lần khui hụi thứ 15 thì mới hay bà T đã bẻ hụi ở lần khui thứ 14 nên bà không tiếp tục đóng hụi.

Bà không hay biết việc bà T đình hụi. Khi bà T đến nhà bà T tiền hụi vẫn không cho bà biết việc đình hụi nên bà đã đóng thêm một lần hụi sau khi bà T bẻ hụi. Khi bà được các hụi viên khác cho hay việc bà T bẻ hụi thì bà ngưng đóng hụi chết và hụi sống cho đến nay. Việc bà T đến nhà bà T tiền hụi không có ai khác chứng kiến, tất cả các lần bà đóng tiền hụi đều không lập biên nhận đóng hụi, bà T nói số tiền kêu hụi thì bà tự ghi vào sổ của bà, bà T tự ghi vào sổ cái (sổ chính), hai bên không ai ký nhận. Đối với 05 lần bà hốt hụi thì bà T có kêu bà ký vào biên nhận nên bà có ký nhận số tiền hốt hụi. Khi mở hụi bà T cam kết trong vòng 03 ngày sau mỗi lần khui hụi sẽ gom tiền hụi và giao tiền hụi đầy đủ. Nguyên nhân bà T bẻ hụi thì bà không rõ, bà đã đóng hụi đầy đủ cho bà T nên việc bà T bẻ hụi không có lỗi của bà. Do bà T cho rằng các hụi viên không đóng tiền hụi dẫn đến việc bà không có tiền để giao tiền hụi cho người hốt hụi nên bà mới đình hụi, đây là lỗi của bà T vì theo thỏa thuận thì bà phải có nghĩa vụ trần hụi (đóng thay) cho những người chưa đóng và có quyền đòi lại tiền hụi chưa đóng và lãi chậm đóng. Trong khi đó, bà vẫn còn 01 chân hụi sống chưa hốt nhưng bà T không đồng ý giao trả tiền hụi. Do bà T đã bẻ hụi nên bà đề nghị huỷ bỏ các chân hụi đã tham gia của bà T, bà sẽ trả lại bà T tiền hốt hụi, bà T trả lại bà tiền hụi đã đóng, tiền hoa hồng của các dây hụi bà không yêu cầu. Đối với

chân hội chưa hết thì do những lần Tòa án mời bà không tham gia nên hiện tại đã qua thời hạn được yêu cầu giải quyết nên bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác nếu bà với bà T không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự là đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ hợp đồng về hội giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên trả cho nhau những gì đã nhận. Về án phí buộc đương sự chịu theo quy định pháp luật

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được:

Bị đơn có tham gia hội do nguyên đơn mở. Bị đơn đã ký nhận vào 05 biên nhận hết hội do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án của 05 chân hội/03 dây hội đã tham gia bao gồm: Biên nhận hết hội ngày 11/7/2020 âm lịch số tiền hết hội 4.500.000đ của hội tuần (hội 07 ngày); biên nhận hết hội ngày 07/10/2020 số tiền hết hội 6.630.000đ của hội tuần; biên nhận hết hội ngày 24/8/2020 số tiền hết hội 16.500.000đ của hội 15 ngày; biên nhận hết hội ngày 09/11/2020 số tiền hết hội 17.860.000đ của hội 15 ngày; biên nhận hết hội ngày 09/11/2020 số tiền hết hội 18.980.000đ của hội 10 ngày.

Hội 300.000đ/tuần, thống nhất mở ngày 09/6/2020 âm lịch, bị đơn tham gia 02 chân, chân thứ 01 hết hội ở lần thứ 04 được số tiền 4.500.000đ (đã trừ hoa hồng 300.000đ), chân thứ 02 hết hội ở lần thứ 16 được số tiền 6.630.000đ, thống nhất số tiền đóng đến lần thứ 22.

Hội 1.000.000đ/15 ngày, thống nhất mở ngày 09/6/2020 âm lịch, bị đơn tham gia 02 chân, chân thứ 01 hết hội ở lần thứ 06 được số tiền 16.500.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ), chân thứ 02 đã hết hội (khi nhận tiền đã trừ hoa hồng 500.000đ), thống nhất số tiền đóng hội đến lần 11.

Hội 1.000.000đ/10 ngày, thống nhất mở ngày 09/7/2020 âm lịch, bị đơn đã hết hội (khi nhận tiền đã trừ hoa hồng 500.000đ), thống nhất số tiền đóng hội đến lần 14.

Vấn đề các đương sự không thỏa thuận được:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội chết chưa đóng là 62.000.000đ; Bị đơn yêu cầu hủy bỏ giao dịch về hội giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên trả cho nhau những gì đã nhận.

Hội 300.000đ/tuần: Nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền của bị đơn 22 lần; Bị đơn khai đã đóng hội 23 lần.

Hội 1.000.000đ/15 ngày: Nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền hội của bị đơn 11 lần, chân hội thứ 02 bị đơn hốt hội ở lần thứ 11; bị đơn khai đã đóng hội 13 lần và hốt hội chân thứ 02 ở lần khai hội thứ 12.

Hội 1.000.000đ/10 ngày: Nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền hội của bị đơn 14 lần, bị đơn tham gia 01 chân hội và đã hốt hội ở lần khai thứ 13; bị đơn khai đã đóng hội 15 lần, bị đơn tham gia 02 chân, đã hốt hội 01 chân ở lần khai thứ 15 và còn 01 chân hội sống chưa hốt hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Vào năm 2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận tổ chức và tham gia 03 dây hội, trong quá trình thực hiện các dây hội đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền hội chưa đóng; bị đơn cư trú tại ấp 5, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về hội” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về thủ tục xét xử: Bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mới có mặt. Tại phiên tòa, các đương sự tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nhưng đến khi tuyên án thì bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch về hội giữa các bên được thỏa thuận xác lập vào năm 2020, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Nguyên đơn có mở dây hội 300.000đ/ tuần vào ngày 09/6/2020 âm lịch, dây hội 1.000.000đ/15 ngày vào ngày 09/6/2020 âm lịch, dây hội 1.000.000đ/10 ngày vào ngày 09/7/2020 âm lịch. Hội 07 ngày và hội 15 ngày bị đơn tham gia 02 chân, hội 10 ngày bị đơn tham gia 01 chân. Bị đơn đã hốt cả 05 chân hội và nợ lại tiền hội chết chưa đóng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị

đơn trả số tiền hội chưa đóng là 61.200.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 05 biên nhận hốt hội gồm: Biên nhận ngày 11/7/2020 âm lịch số tiền hốt hội tuần chân 01 là 4.500.000đ; biên nhận ngày 07/10/2020 số tiền hốt hội tuần chân 02 là 6.630.000đ; biên nhận ngày 24/8/2020 số tiền hốt hội 15 ngày chân 01 là 16.500.000đ; biên nhận ngày 09/11/2020 số tiền hốt hội 15 ngày chân 02 là 17.860.000đ; biên nhận ngày 09/11/2020 số tiền hốt hội 10 ngày là 18.980.000đ.

[3.2] Phía bị đơn thừa nhận có tham gia vào 03 dây hội như nguyên đơn trình bày nhưng mỗi dây tham gia 02 chân và đã ký nhận vào 05 biên nhận hốt 05 chân hội như nguyên đơn cung cấp với số tiền hốt hội là 64.390.000đ. Do nguyên đơn tự ý đình hội nên bị đơn yêu cầu hủy bỏ các dây hội mà bị đơn đã tham gia của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả lại tiền hốt hội đã nhận từ nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn trả lại bị đơn tiền hội đã đóng.

[3.3] Mặc dù 05 “Biên nhận” nhận tiền hốt hội có hình thức và nội dung chưa đảm bảo quy định, sự thỏa thuận về tổ chức hội, tham gia hội cũng chưa phù hợp quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nhưng giao dịch về hội giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Việc tổ chức hội của nguyên đơn không đảm bảo quy định pháp luật về hội, sổ hội, giấy biên nhận và thông báo về tổ chức hội đều vi phạm quy định tại các Điều 12, 13, 14 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Nguyên đơn cho rằng do một số hội viên không đóng tiền hội nên dẫn đến việc nguyên đơn không giao tiền hội cho người hốt hội nên nguyên đơn mới tuyên bố đình 03 dây hội. Theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP thì nghĩa vụ đóng thay tiền hội cho các hội viên chưa đóng là của chủ hội. Sau khi đóng thay tiền hội cho các hội viên chưa đóng, chủ hội có quyền đòi lại phần tiền hội đã đóng thay và lãi suất theo quy định. Tự quyết định chấm dứt dây hội mà không có sự thống nhất của hội viên là vi phạm quy định tại Điều 11 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về hội. Giao dịch về hội không thể tiếp tục thực hiện do chủ hội mất khả năng thanh toán, không có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận ban đầu, mọi thay đổi chấm dứt về sau bị đơn cũng không đồng ý và bị đơn cũng yêu cầu hủy bỏ các giao dịch thỏa thuận về hội giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên có trách nhiệm hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là phù hợp quy định tại Điều 425, 427 của Bộ luật Dân sự. Do đó cần thiết hủy bỏ giao dịch về hội giữa nguyên đơn và bị đơn, sự thỏa thuận về hội tại dây hội 300.000đ/07 ngày mở ngày 09/6/2020 âm lịch, dây hội 1.000.000đ/15 ngày mở ngày 09/6/2020 âm lịch, dây

hội 1.000.000đ/10 ngày mở ngày 09/7/2020 âm lịch không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[4] Về số tiền hội thực tế các bên đã nhận:

[4.1] Bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền hội là 64.390.000đ.

[4.2] Về số tiền hội mà bị đơn thực tế đã đóng cho nguyên đơn như sau:

Dây hội 300.000đ/tuần: Phía nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền của bị đơn 22 lần (nhằm ngày 10/11/2020 âm lịch) thì tuyên bố đình hội. Phía bị đơn khai đã đóng hội 23 lần (nhằm ngày 17/11/2020 âm lịch).

Dây hội 1.000.000đ/15 ngày: Nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền hội của bị đơn 11 lần (nhằm ngày 09/11/2020 âm lịch), chân hội thứ 02 bị đơn hốt hội ở lần thứ 11 xong thì tuyên bố đình hội. Bị đơn khai đã đóng hội 13 lần (nhằm ngày 09/12/2020 âm lịch) và hốt hội chân thứ 02 ở lần khai hội thứ 12 (nhằm ngày 24/11/2020 âm lịch).

Dây hội 1.000.000đ/10 ngày: Nguyên đơn khai đã khai hội và thu tiền hội của bị đơn 14 lần (nhằm ngày 19/11/2020 âm lịch) thì tuyên bố đình hội, bị đơn tham gia 01 chân hội và đã hốt hội ở lần khai thứ 13; bị đơn khai đã đóng hội 15 lần (nhằm ngày 29/11/2020 âm lịch), bị đơn tham gia 02 chân, đã hốt hội 01 chân ở lần khai thứ 15 và còn 01 chân hội sống chưa hốt hội.

Phía nguyên đơn khai cả 03 dây hội cùng đình hội vào cùng một ngày sau khi khai hội xong, phía bị đơn cho rằng sau khi hay nguyên đơn bế hội thì tiếp tục đóng thêm 01 lần hội nữa mới ngưng đóng nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không nhớ thời gian chính xác cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày nên phải chịu hậu quả của việc không thể chứng minh. Do đó, căn cứ vào biên nhận nhận tiền hội sau cùng là ngày 09/11/2020 âm lịch, dựa vào lời khai của nguyên đơn ở 03 dây hội thì ngày cuối cùng khai hội là ngày 19/11/2020 âm lịch. Nên xác định thời gian ngưng khai hội là ngày 19/11/2020 âm lịch. Do đó xác định tiền hội mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn như sau: Dây hội 300.000đ/tuần, bị đơn đóng hội 23 lần tương đương $6.240.000đ + 4.280.000đ = 10.520.000đ$; Dây hội 1.000.000đ/15 ngày, bị đơn đóng hội 11 lần tương đương $7.720.000đ + 4.905.000đ = 12.625.000đ$; Dây hội 1.000.000đ/10 ngày, bị đơn đóng hội 14 lần tương đương 7.130.000đ. Tổng cộng số tiền hội bị đơn đóng cho nguyên đơn là 30.275.000đ.

Khi giao dịch về hội giữa nguyên đơn và bị đơn bị hủy bỏ thì các giao dịch về hội giữa nguyên đơn và bị đơn không có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ đi chi phí hợp lý

trong việc thực hiện giao dịch về hui. Do đó số tiền hoa hồng 2.100.000đ là chi phí hợp lý trong việc thực hiện giao dịch về hui nên nguyên đơn không phải trả lại cho bị đơn. Số tiền hui các bên phải hoàn trả cho nhau là số tiền thực tế đã nhận nên nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn là 30.275.000đ, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn là 64.390.000đ.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Bị đơn trình bày còn chân chân hui sống chưa hết ở đây hui 1.000.000đ/10 ngày, do đương sự không có yêu cầu nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét đơn đề nghị miễn giảm án phí của nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật nên đối với phần yêu cầu không được chấp nhận được miễn án phí; Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền hết hui cho nguyên đơn nên phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3, 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 267 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 471, 425, 427, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 11, 12, 13, 18, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Ngọc T.

Giao dịch về hui giữa nguyên đơn bà Tống Ngọc T với bị đơn bà Lại Thị Thái Th bị hủy bỏ và không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Bà Tống Ngọc T và bà Lại Thị Thái Th phải hoàn trả tiền hui đã nhận cho nhau.

Cụ thể:

Nguyên đơn bà Tống Ngọc T phải hoàn trả cho bị đơn bà Lại Thị Thái Th số tiền hui mà bị đơn đã đóng hui cho nguyên đơn là 30.275.000đ (ba mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Lại Thị Thái Th phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Tống Ngọc T số tiền hót hui mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn là 64.390.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Tống Ngọc T thuộc trường hợp được miễn án phí nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.530.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002702, ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn bà Lại Thị Thái Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.219.500đ (ba triệu hai trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Huỳnh Thị Quyền Trân